TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2020
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Diếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Kiều Việt P**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoanh**

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:32/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03 /2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐT-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Đăng Thanh T,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: **Anh Bùi Đinh P**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh P tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào năm 2009 là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nhậu nhẹt về nhà đánh đập chị T rất nhiều lần, có lần dánh chị gãy tay. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống riêng phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Chị T cũng đã cho anh P cơ hội nhưng anh P không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm đã không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P

+ Về con chung: Chị T, anh P có với nhau 02 con chung là Bùi Đình H, sinh ngày 19/8/2008 và Bùi Đình H1, sinh ngày 11/7/2016. Hiện nay cháu H đang ở ới anh P, cháu H1 đang ở với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H1; anh P tiếp tục nuôi cháu H. Không bên nào nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Bùi Đình P đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến trả lời, không đến Tòa làm việc.*

Tại phiên tòa anh P vắng mặt không có lý do.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã D, huyện Y. Về phía địa phương cung cấp thông tin: chị T và anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị cụ thể như thế nào Hội phụ nữ xã không được rõ. Nhưng hiện tại hai anh chị không chung sống với nhau. Nay chị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật: vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: giữa chị T và anh P đã có mâu thuẫn, năm 2015 chị P đã nộp đơn xin ly hôn nhưng anh P đi làm ăn xa nên Tòa án không giải quyết được chị T rút đơn về. Từ năm 2018 đến nay chị T và anh P không còn chung sống một nhà, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P; con chung:Tại bản trình bày ngày

05/5/2020 cháu H có nguyện vọng được ở với anh P nếu ba mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu H cũng phù hợp với trình bày và yêu cầu của chị T nên giao cháu Bùi Đình H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Đình H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ: khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 2009. Do vậy hôn nhân giữa chị chị T và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Giữa chị T và P tự nguyện tìm hiểu, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P ghen tuông nên thường hay nhậu nhẹt rồi về đánh đập chị. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2018 đến nay anh chị dã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị P cương quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không còn tình cảm gì với anh P. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải nhưng anh P không đến. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh P đã không còn tình cảm , không thể hòa giải để đoàn tụ. Mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể duy trì, nên việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh P là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Bùi Đình H đang sống với anh P và có nguyện được sống với anh P nếu ba mẹ ly hôn. Do vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao cháu Bùi Đình H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Đình H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nôm con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu HĐXX giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Đăng Thanh T được ly hôn anh Bùi Đình P.

2.Về con chung:

Giao con Bùi Đình H, sinh ngày 19/8/2008 cho anh Bùi Đình P trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con Bùi Đình H1, sinh ngày 11/7/2016 cho chị Nguyễn Đăng Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nôm con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Đăng Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 00044542 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu